

Số: 192/QĐ-CĐSP-TW-CTSV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả rèn luyện học kỳ II, năm học 2024 - 2025
Đối với sinh viên khóa 22, hình thức đào tạo vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ ngày 25/9/1976 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục về việc thành lập Trường Sư phạm Mẫu giáo Trung ương số 3; Căn cứ Quyết định số 2064/QĐ-BGDĐT ngày 25/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên Trường Cao đẳng Sư phạm Mẫu giáo Trung ương 3 thành Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường cao đẳng sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-CĐSP-TW-CTSV ngày 24/4/2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định công tác sinh viên tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hướng dẫn số 873/HD-CĐSP-TW-CTSV ngày 01/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện quy chế đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên hình thức đào tạo vừa làm vừa học;

Căn cứ kết quả xếp loại rèn luyện học kỳ II, năm học 2024 – 2025 đối với sinh viên khóa 22 hình thức đào tạo vừa làm vừa học của Hội đồng thi đua khen thưởng và kỷ luật sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 3 năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả rèn luyện của 122 sinh viên khóa 22, hình thức đào tạo vừa làm vừa học, học kỳ II, năm học 2024 – 2025 (danh sách đính kèm).

Điều 2. Phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên, Phòng Đào tạo, Khoa học và Hợp tác quốc tế, Phòng Khảo thí, Thanh tra và Đảm bảo chất lượng, Ban chủ nhiệm Khoa Giáo dục Mầm non và sinh viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 2 (để thực hiện);
- Lưu: VT, CTSV.



Nguyễn Nguyên Bình

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 - 2025
ĐỐI VỚI SINH VIÊN KHÓA 22, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC**

(Kèm theo quyết định số: 192/QĐ-CĐSPTW-CTSV ngày 06 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	LỚP	SỐ SỐ	KẾT QUẢ HỌC TẬP							KẾT QUẢ RÈN LUYỆN							ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT HỌC BỔNG			
			XS	G	K	TBK	TB	Y	KÉM	XS	T	K	TBK	TB	Y	KÉM	KXL	XS	G	K
1	22A	56	1	12	42		1			4	8	14	20	10				1	7	18
2	22B	66	2	8	52		3	1		14	28	21	3					2	8	51
Cộng		122	3	20	94		4	1		18	36	35	23	10				3	15	69
%		100	2,5	16,4	77,0		3,3	0,8		14,8	29,5	28,7	18,9	8,2				2,5	12,3	56,6

ML



**DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 - 2025
ĐỐI VỚI SINH VIÊN KHÓA 22, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC**

(Kèm theo quyết định số: 192 /QĐ-CĐSPTW-CTSV ngày 06 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HỌC TẬP		RÈN LUYỆN		ĐỦ ĐIỀU KIỆN	GHI CHÚ
				ĐIỂM	XẾP LOẠI	ĐIỂM	XẾP LOẠI	XÉT HỌC BỔNG	
1	22A	401230005	Vòng Tuyệt Ân	3	Khá	67	TB Khá		
2	22A	401230007	Nguyễn Thị Kim Cương	2,79	Khá	58	Trung bình		
3	22A	401230010	Nguyễn Thị Lan Chi	3,17	Khá	70	Khá	Khá	
4	22A	401230012	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	2,57	Khá	69	TB Khá		
5	22A	401230017	Dương Hồng Gấm	3,6	Xuất sắc	95	Xuất sắc	Xuất sắc	
6	22A	401230020	Phan Thị Thanh Hằng	3,02	Khá	71	Khá	Khá	
7	22A	401230022	Trần Thị Thu Hiền	3,1	Khá	64	TB Khá		
8	22A	401230023	Lê Thị Kim Hoà	2,98	Khá	73,5	Khá	Khá	
9	22A	401230025	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	2,79	Khá	57,5	Trung bình		
10	22A	401230026	Huỳnh Thị Mỹ Huyền	3,48	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	
11	22A	401230029	Lê Thị Ngọc Hứa	3,1	Khá	68	TB Khá		
12	22A	401230033	Lê Thúy Kiều	3,26	Giỏi	73,5	Khá	Khá	
13	22A	401230039	Hoàng Thị Thuỳ Linh	3,14	Khá	62,5	TB Khá		
14	22A	401230042	Phan Thị Trúc Linh	3,1	Khá	68,5	TB Khá		
15	22A	401230044	Nguyễn Thị Cẩm Loan	3,29	Giỏi	83,5	Tốt	Giỏi	
16	22A	401230048	Hồ Nguyễn Thảo Mi	3,26	Giỏi	71	Khá	Khá	
17	22A	401230051	Trần Thị Kiều My	2,98	Khá	61	TB Khá		
18	22A	401230052	Trương Hồng Ngọc Mỹ	3,19	Khá	79	Khá	Khá	
19	22A	401230055	Nguyễn Hồ Bảo Ngân	3,05	Khá	83	Tốt	Khá	
20	22A	401230056	Nguyễn Thị Thanh Ngân	3,19	Khá	65	TB Khá		
21	22A	401230058	Nguyễn Thị Thùy Ngân	3,45	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	
22	22A	401230059	Trần Thảo Ngân	3,24	Giỏi	74	Khá	Khá	
23	22A	401230065	Trương Thị Yến Ngọc	3,24	Giỏi	58	Trung bình		



TT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HỌC TẬP		RÈN LUYỆN		ĐỦ ĐIỀU KIỆN	GHI CHÚ
				ĐIỂM	XẾP LOẠI	ĐIỂM	XẾP LOẠI	XÉT HỌC BỔNG	
24	22A	401230068	Lê Thị Yến Nhi	3,45	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
25	22A	401230070	Phạm Vũ Uyên Nhi	2,69	Khá	70	Khá	Khá	
26	22A	401230072	Hồ Thị Hồng Nhung	2,86	Khá	63	TB Khá		
27	22A	401230076	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	2,93	Khá	69,5	TB Khá		
28	22A	401230077	Nguyễn Thanh Tuyết Như	2,88	Khá	73,5	Khá	Khá	
29	22A	401230079	Nguyễn Thị Quỳnh Như	2,95	Khá	69	TB Khá		
30	22A	401230084	Lê Nguyễn Yến Phương	2,95	Khá	65	TB Khá		
31	22A	401230087	Trần Ngọc Mai Phương	2,52	Khá	57	Trung bình		
32	22A	401230088	Trần Thị Thanh Phương	2,88	Khá	64,5	TB Khá		
33	22A	401230090	Ngô Thị Hồng Phương	2,52	Khá	62	TB Khá		
34	22A	401230091	K' Quý	2,98	Khá	83	Tốt	Khá	
35	22A	401230092	Đoàn Kim Quyên	3,33	Giỏi	78,5	Khá	Khá	
36	22A	401230094	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	2,86	Khá	71,5	Khá	Khá	
37	22A	401230097	Nguyễn Hoàng Mỹ Tâm	2,9	Khá	78	Khá	Khá	
38	22A	401230098	Phạm Thị Thúy Tâm	2,98	Khá	63	TB Khá		
39	22A	401230102	Kim Huỳnh Ngọc Tú	2,81	Khá	69	TB Khá		
40	22A	401230105	Trần Thị Ngọc Tuyết	2,43	Trung bình	55,5	Trung bình		
41	22A	401230106	Nguyễn Huỳnh Thiên Thạch	2,57	Khá	66,5	TB Khá		
42	22A	401230110	Thái Thị Thanh Thảo	2,79	Khá	73	Khá	Khá	
43	22A	401230111	Trần Thị Hồng Thắm	3,19	Khá	73	Khá	Khá	
44	22A	401230116	Trần Thị Thu Thủy	3,19	Khá	87	Tốt	Khá	
45	22A	401230117	Trần Thanh Thúy	3,05	Khá	57,5	Trung bình		
46	22A	401230118	Diệp Huỳnh Anh Thư	3,33	Giỏi	84,5	Tốt	Giỏi	
47	22A	401230120	Nguyễn Hoàng Anh Thư	2,98	Khá	64	TB Khá		
48	22A	401230127	Trần Hoài Thương	3,39	Giỏi	86	Tốt	Giỏi	
49	22A	401230129	Dương Thị Hồng Thy	2,86	Khá	63,5	TB Khá		
50	22A	401230130	Đào Nguyễn Nhật Thy	2,81	Khá	57	Trung bình		
51	22A	401230134	Lê Thị Thùy Trang	3,17	Khá	58,5	Trung bình		
52	22A	401230135	Nguyễn Thị Thùy Trang	2,79	Khá	95	Xuất sắc	Khá	
53	22A	401230138	Trần Thị Minh Trang	2,76	Khá	61,5	TB Khá		
54	22A	401230143	Lưu Phụng Trân	2,76	Khá	56,5	Trung bình		
55	22A	401230146	Trần Ngọc Phương Trinh	3,19	Khá	56	Trung bình		
56	22A	401230155	Phan Thị Kiều Xuân	3,21	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	

TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
PHẠM VĂN
THÀNH
HỒ CHÍ MINH

TT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HỌC TẬP		RÈN LUYỆN		ĐỦ ĐIỀU KIỆN	GHI CHÚ
				ĐIỂM	XẾP LOẠI	ĐIỂM	XẾP LOẠI	XÉT HỌC BỔNG	
57	22B	401230001	Đỗ Hoàng Anh	3,69	Xuất sắc	93	Xuất sắc	Xuất sắc	
58	22B	401230006	Thào Thị Cốc	2,64	Khá	87,5	Tốt	Khá	
59	22B	401230008	Nguyễn Thị Ái Châu	2,62	Khá	78,5	Khá	Khá	
60	22B	401230009	Trần Thị Ngọc Châu	2,6	Khá	78	Khá	Khá	
61	22B	401230011	Thái Trần Ngọc Diễm	3,38	Giỏi	93	Xuất sắc	Giỏi	
62	22B	401230014	Đặng Thị Mỹ Duyên	3,02	Khá	93	Xuất sắc	Khá	
63	22B	401230015	Trần Thị Ngọc Duyên	2,79	Khá	79	Khá	Khá	
64	22B	401230016	Võ Thị Hồng Đào	1,9	Yếu	68,5	TB Khá		
65	22B	401230018	Võ Nguyễn Nam Giang	2,55	Khá	73	Khá	Khá	
66	22B	401230019	Bùi Lê Thu Hà	2,31	Trung bình	70,5	Khá		
67	22B	401230024	Nguyễn Thị Hồng	2,62	Khá	72,5	Khá	Khá	
68	22B	401230027	Nguyễn Thị Thanh Huyền	3,19	Khá	94,5	Xuất sắc	Khá	
69	22B	401230030	Đặng Thị Thiên Hương	2,93	Khá	86	Tốt	Khá	
70	22B	401230032	Nguyễn Thị Diễm Hương	3	Khá	88	Tốt	Khá	
71	22B	401230034	Lưu Thị Kim	2,95	Khá	88	Tốt	Khá	
72	22B	401230037	Thái Thị Phương Lam	3,1	Khá	75	Khá	Khá	
73	22B	401230038	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	3,67	Xuất sắc	95	Xuất sắc	Xuất sắc	
74	22B	401230040	Mai Thị Kiều Linh	3,17	Khá	88	Tốt	Khá	
75	22B	401230043	Ung Trúc Linh	2,88	Khá	79	Khá	Khá	
76	22B	401230045	Nguyễn Thị Tuyết Loan	3,21	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
77	22B	401230047	Nguyễn Thị Phương Mai	2,6	Khá	88	Tốt	Khá	
78	22B	401230060	Huỳnh Nguyễn Phương Nghi	2,6	Khá	86	Tốt	Khá	
79	22B	401230061	Trần Phương Nghi	2,88	Khá	86	Tốt	Khá	
80	22B	401230064	Trần Bảo Ngọc	3,14	Khá	87,5	Tốt	Khá	
81	22B	401230067	Đinh Xuân Nhi	2,69	Khá	72,5	Khá	Khá	
82	22B	401230069	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	2,62	Khá	73	Khá	Khá	
83	22B	401230073	Huỳnh Hồ Ngọc Như	3,05	Khá	93	Xuất sắc	Khá	
84	22B	401230074	Huỳnh Thị Hồng Như	2,71	Khá	85	Tốt	Khá	
85	22B	401230078	Nguyễn Thị Huỳnh Như	3,24	Giỏi	100	Xuất sắc	Giỏi	
86	22B	401230080	Nguyễn Thị Quỳnh Như	2,81	Khá	86	Tốt	Khá	
87	22B	401230081	Nguyễn Trang Hạnh Như	2,74	Khá	86	Tốt	Khá	
88	22B	401230083	Trịnh Phôi Phôi	2,71	Khá	79,5	Khá	Khá	
89	22B	401230085	Lưu Huỳnh Trúc Phương	3	Khá	86	Tốt	Khá	

VÀ
 NG
 NG ƯƠN
 PHỒ
 MINH
 O

TT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HỌC TẬP		RÈN LUYỆN		ĐỦ ĐIỀU KIỆN	GHI CHÚ
				ĐIỂM	XẾP LOẠI	ĐIỂM	XẾP LOẠI	XÉT HỌC BỔNG	
90	22B	401230089	Trịnh Như Phương	3,14	Khá	93	Xuất sắc	Khá	
91	22B	401230095	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	2,86	Khá	72,5	Khá	Khá	
92	22B	401230099	Trương Hoàng Thanh Tâm	3,21	Giỏi	93	Xuất sắc	Giỏi	
93	22B	401230100	Trương Biện Thùy Tiên	3,12	Khá	93	Xuất sắc	Khá	
94	22B	401230103	Đông Thị Kim Tuyền	2,95	Khá	79	Khá	Khá	
95	22B	401230104	Nguyễn Thị Kim Tuyết	3,14	Khá	88	Tốt	Khá	
96	22B	401230107	Nguyễn Thị Thành	3,07	Khá	78,5	Khá	Khá	
97	22B	401230113	Nguyễn Thị Ngọc Thu	2,98	Khá	78	Khá	Khá	
98	22B	401230114	Nguyễn Thị Thu Thủy	3,07	Khá	88	Tốt	Khá	
99	22B	401230115	Nguyễn Thị Phước Thùy	3,14	Khá	93	Xuất sắc	Khá	
100	22B	401230119	Nguyễn Anh Thư	3,19	Khá	88	Tốt	Khá	
101	22B	401230122	Nguyễn Ngọc Minh Thư	2,98	Khá	88	Tốt	Khá	
102	22B	401230123	Nguyễn Thị Thiên Thư	3,45	Giỏi	95	Xuất sắc	Giỏi	
103	22B	401230124	Phạm Bùi Minh Thư	2,83	Khá	72,5	Khá	Khá	
104	22B	401230125	Tạ Nguyễn Anh Thư	2,38	Trung bình	68,5	TB Khá		
105	22B	401230126	Võ Ngọc Minh Thư	2,91	Khá	86,5	Tốt	Khá	
106	22B	401230128	Vũ Hạnh Hải Thương	2,98	Khá	87	Tốt	Khá	
107	22B	401230133	Lê Thị Thủy Trang	2,9	Khá	92,5	Xuất sắc	Khá	
108	22B	401230139	Lê Ngọc Bích Trâm	2,71	Khá	75	Khá	Khá	
109	22B	401230141	Phạm Thị Bích Trâm	3,17	Khá	87,5	Tốt	Khá	
110	22B	401230142	Võ Thị Kiều Trâm	3,07	Khá	88	Tốt	Khá	
111	22B	401230144	Huỳnh Thị Thùy Trinh	2,81	Khá	73	Khá	Khá	
112	22B	401230147	Phạm Thanh Trúc	2,62	Khá	85	Tốt	Khá	
113	22B	401230148	Võ Thanh Trúc	2,62	Khá	71	Khá	Khá	
114	22B	401230149	Trần Đan Uyên	2,79	Khá	72,5	Khá	Khá	
115	22B	401230150	Huỳnh Nhật Tường Vy	2,33	Trung bình	71	Khá		
116	22B	401230152	Nguyễn Thị Bảo Vy	3,33	Giỏi	99,5	Xuất sắc	Giỏi	
117	22B	401230153	Trần Nhật Vy	2,76	Khá	67,5	TB Khá		
118	22B	401230154	Vũ Thúy Vy	3,07	Khá	88	Tốt	Khá	
119	22B	401230156	Nguyễn Hồng Yên	2,81	Khá	87	Tốt	Khá	
120	22B	401230157	Nguyễn Hải Yến	3,29	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
121	22B	401230159	Xích Mã Thị Ngọc Yến	3,24	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	
122	22B	501230092	Phạm Thị Phương Liên	3,1	Khá	85	Tốt	Khá	

Danh sách có 122 sinh viên./

mm

ĐÀO
7